

Số: 21/2026/QĐST-DS

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15), điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 293, Điều 299, Điều 303, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100 và khoản 2 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2026, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 62/2026/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V; địa chỉ: số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Hồng B, là Trưởng phòng cao cấp – Trung tâm X;

Người nhận ủy quyền của ông Nguyễn Hồng B: ông Lê Đình T, Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Lò Ngọc T1, Chuyên viên xử lý nợ; ông Nguyễn Anh D1, Chuyên viên xử lý nợ; đều có địa chỉ: tầng 4 Ngân hàng V1, căn SH4-8 Dự án T, đường B, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

* Bị đơn: chị Nguyễn Khánh N, sinh năm 1984; địa chỉ: tổ E, khu F, phường H, tỉnh Quảng Ninh; anh Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn K, xã T, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền phải trả:

Anh Nguyễn Duy Đ và chị Nguyễn Khánh N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền (tạm tính đến ngày 11/02/2026) là 24.154.765.688 (hai mươi bốn tỷ, một trăm năm mươi tư triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm tám mươi tám) đồng; bao gồm: nợ gốc là 23.223.080.921 (hai mươi ba tỷ, hai trăm hai mươi ba triệu, không trăm tám mươi nghìn, chín trăm hai mươi một) đồng, nợ lãi trong hạn là 236.916.926 (hai trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm mười sáu nghìn, chín trăm hai mươi sáu) đồng, nợ lãi quá hạn là 690.123.157 (sáu trăm chín mươi triệu, một trăm hai mươi ba nghìn, một trăm năm mươi bảy) đồng, phạt chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là 4.644.684 (bốn triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, sáu trăm tám mươi tư) đồng; trong đó:

Theo hợp đồng cho vay hạn mức số 10257651 ngày 29/8/2024, anh Nguyễn Duy Đ và chị Nguyễn Khánh N nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền (tạm tính đến ngày 11/02/2026) là 4.294.231.775 (bốn tỷ, hai trăm chín mươi tư triệu, hai trăm ba mươi một nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm) đồng; bao gồm: nợ gốc là 4.012.500.000 (bốn tỷ, không trăm mười hai triệu, năm trăm nghìn) đồng, nợ lãi trong hạn là 39.038.721 (ba mươi chín triệu, không trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm hai mươi một) đồng, nợ lãi quá hạn là 241.409.589 (hai trăm bốn mươi một triệu, bốn trăm linh chín nghìn, năm trăm tám mươi chín) đồng, phạt chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là 1.283.465 (một triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm sáu mươi lăm) đồng.

Theo hợp đồng cho vay hạn mức số LN 2312201303902 ngày 24/01/2024: anh Nguyễn Duy Đ và chị Nguyễn Khánh N nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần V (tạm tính đến ngày 11/02/2026) số tiền là 19.860.533.913 (mười chín tỷ, tám trăm sáu mươi triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn, chín trăm mười ba) đồng; bao gồm: nợ gốc là 19.210.580.921 (mười chín tỷ, hai trăm mười triệu, năm trăm tám mươi nghìn, chín trăm hai mươi một) đồng, nợ lãi trong hạn là 197.878.205 (một trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn, hai trăm linh năm) đồng, nợ lãi quá hạn là 448.713.568 (bốn trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm mười ba nghìn, năm trăm sáu mươi tám) đồng, phạt chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là 3.361.219 (ba triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm mười chín) đồng.

Anh Nguyễn Duy Đ và chị Nguyễn Khánh N phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng thương mại cổ phần V, kể từ ngày 12/02/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 10257651 ngày 29/8/2024, Hợp đồng cho vay hạn mức số

LN 2312201303902 ngày 24/01/2024.

2.2 Về thời hạn trả nợ: chậm nhất ngày 28/02/2026, anh Nguyễn Duy Đ và chị Nguyễn Khánh N phải có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ số tiền 24.154.765.688 (hai mươi bốn tỷ, một trăm năm mươi tư triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm tám mươi tám) đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 12/02/2026.

2.3 Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập Biên bản hòa giải thành (ngày 11/02/2026) cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Duy Đ và chị Nguyễn Khánh N còn phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án **theo mức lãi suất quá hạn** các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số 10257651 ngày 29/8/2024, Hợp đồng cho vay hạn mức số LN 2312201303902 ngày 24/01/2024, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V – Chi nhánh T2 và anh Nguyễn Duy Đ, chị Nguyễn Khánh N nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4 Trường hợp đến hạn mà anh Nguyễn Duy Đ và chị Nguyễn Khánh N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản bảo đảm gồm:

Quyền sử dụng 212,8m² đất, thuộc thửa đất số 262, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: tổ F, khu B, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ F, khu Y, phường H, tỉnh Quảng Ninh); theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH 443982, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH83972, do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 15/01/2024; người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản: anh Nguyễn Duy Đ, chị Nguyễn Khánh N.

Quyền sử dụng 66,6m² đất, thuộc thửa đất số 286, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: tổ F, khu B, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ F, khu Y, phường H, tỉnh Quảng Ninh); theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH 443981, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH83971, do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 15/01/2024; người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản: anh Nguyễn Duy Đ, chị Nguyễn Khánh N.

(Theo Hợp đồng thế chấp số LN2312211323195 ngày 24/01/2024, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V – Chi nhánh Q và anh Nguyễn Duy Đ, chị Nguyễn Khánh N).

2.5 Trong trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần V thì anh Nguyễn Duy Đ và chị Nguyễn Khánh N có trách nhiệm liên đới tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 10257651 ngày 29/8/2024, Hợp đồng cho vay hạn mức số LN 2312201303902 ngày 24/01/2024.

2.6 Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà anh Nguyễn Duy Đ và chị Nguyễn Khánh N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

2.7 Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: do tài sản bảo đảm đã được Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh xem xét, thẩm định tại chỗ trong vụ án dân sự thụ lý số 131/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2025. Nên, không đề cập xử lý.

2.8 Về án phí dân sự sơ thẩm và xử lý tạm ứng án phí:

Bị đơn anh Nguyễn Duy Đ và chị Nguyễn Khánh N tự nguyện chịu 66.077.383 (sáu mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm tám mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 66.023.861 (sáu mươi sáu triệu, không trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm sáu mươi một) đồng, tạm ứng án phí Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000334 ngày 22/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QN;
- VKSND khu vực 1 - QN;
- Thi hành án dân sự tỉnh QN;
- Đương sự;
- Người đại diện theo UQ;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Ngọc An

